

Số: /KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”

Thực hiện Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” (Đề án 131); Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bắc Giang xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 131 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, tạo đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo (GD&ĐT); đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước trong lĩnh vực GD&ĐT; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục.

Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục dựa trên cơ sở các mô hình thử nghiệm, gắn với phát triển các nền tảng, tài nguyên số dùng chung và hoàn thiện thể chế, góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

2. Yêu cầu

Nội dung Kế hoạch phải bám sát Đề án 131, kế thừa và đồng bộ với Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Kế hoạch 234), đồng thời phù hợp với Chương trình chuyển đổi số quốc gia, của tỉnh. Triển khai có trọng tâm, trọng điểm, từng bước, theo lộ trình và bảo đảm hiệu quả, lấy người học và nhà giáo là trung tâm của quá trình chuyển đổi số.

Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị để tạo điều kiện thuận lợi nhất trong khuôn khổ quy định của pháp luật đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GD&ĐT trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

2. Mục tiêu đến năm 2025

2.1. Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hằng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học:

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 90% học sinh, học viên, sinh viên và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến:

- + Triển khai thống nhất một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được trên 70% học sinh sử dụng;

- + Hình thành kho học liệu trực tuyến của tỉnh (có thể kết nối đến kho học liệu trực tuyến quốc gia) đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho trên 70% nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến: Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình tối thiểu 20% ở bậc tiểu học và 30% ở bậc trung học.

2.2. Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục:

- Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

- + 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc;

- + 100% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục: Duy trì các nền tảng đồng bộ với Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục do Bộ GD&ĐT thiết lập và vận hành hiệu quả, trong đó:

- + Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục, đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia;

- + Các cơ quan quản lý giáo dục từ cấp tỉnh tới các địa phương, cơ sở được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 100% hồ sơ công việc tại cấp sở; 100% hồ sơ công việc tại cấp phòng; 70% cấp trường được giao

dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân:

+ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán phí, lệ phí);

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 70%;

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 90%;

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 90%.

3. Mục tiêu đến năm 2030

Chuyển đổi số đối với tất cả các thành tố của hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó:

- Xây dựng nền tảng dạy và học trực tuyến của tỉnh tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông;

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục của tỉnh được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GD&ĐT

Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GD&ĐT; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy, học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ giáo viên; có chính sách máy tính phù hợp cho học sinh và sinh viên.

Hình thành, phát triển hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm, thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành.

2. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

2.1. Đổi mới mô hình dạy, học: Triển khai thí điểm các mô hình dạy, học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm

học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

2.2. Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung

- Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục, gồm bài giảng điện tử, bài giảng trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thư viện điện tử trong một số cơ sở giáo dục phổ thông; công thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu với các cơ sở giáo dục.

- Áp dụng một số nền tảng mạng xã hội phổ biến (như Zalo, Facebook...) để chia sẻ trao đổi, thông tin, chia sẻ học liệu.

3. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý GD&ĐT và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

3.1. Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng tăng cường áp dụng hiệu quả công nghệ số.

- Rà soát, mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 lĩnh vực GD&ĐT áp dụng lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số và đồng bộ với Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ (như trợ lý ảo, trả lời tự động); thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành giáo dục dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

3.2. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý GD&ĐT

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đảm bảo phục vụ tất cả cơ quan quản lý giáo dục; hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục tỉnh đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Bộ GD&ĐT (bao gồm cơ sở dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính - đầu tư, kiểm định chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và chương trình đào tạo).

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành Giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng GD&ĐT, sở GD&ĐT đến Bộ GD&ĐT; kết nối dữ liệu giữa ngành Giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của tỉnh phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

- Phát triển trung tâm điều hành, giám sát thông tin ở cơ quan quản lý giáo dục và trường học, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn hỗ

trợ hoạt động quản lý giáo dục.

3.3. Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới các cơ sở giáo dục nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành giáo dục.

- Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành Giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực và hiệu quả.

3.4. Xây dựng môi trường số kết nối

- Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành Giáo dục kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu quốc gia; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành Giáo dục theo lộ trình triển khai của Bộ GD&ĐT.

- Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong số hóa, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường theo nền tảng, định hướng và triển khai của Bộ GD&ĐT.

4. Tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử

Người đứng đầu các cơ sở giáo dục phải nhận thức, thấy rõ cơ hội, ý nghĩa, vai trò quan trọng của ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong GD&ĐT đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học trong ngành Giáo dục và xã hội.

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành Giáo dục; thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế tại một số cơ sở giáo dục, địa phương có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo tất cả các nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

Tổ chức đào tạo giáo viên dạy các hoạt động giáo dục liên quan đến tin học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, kỹ thuật và nghệ thuật trong các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông về phương pháp

STEM/STEAM; tổ chức triển khai chương trình STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp để nâng cao chỉ số thành phần nguồn nhân lực của tỉnh theo phương pháp đánh giá Chính phủ điện tử, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức liên quan để cung cấp các số liệu kịp thời theo sự chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên.

5. Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GD&ĐT

Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội về công nghệ thông tin trong và ngoài nước, chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài để giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ giáo dục và chuyển đổi số áp dụng trong lĩnh vực GD&ĐT. Phối hợp với doanh nghiệp công nghệ thông tin phát triển các ứng dụng giáo dục trên các thiết bị cầm tay, thiết bị di động để người dân có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ giáo dục ở mọi lúc, mọi nơi.

Thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp thông qua hình thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng công nghệ thông tin trong GD&ĐT, ưu tiên cho phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối trang thiết bị số để hỗ trợ, ưu đãi cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin cơ bản (máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng) tích hợp các phần mềm ứng dụng và tính năng an toàn, bảo mật cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học phục vụ hoạt động dạy, học trong các nhà trường.

6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách

Rà soát, ban hành hệ thống văn bản quy định về chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục; quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh. Thực hiện quy định về năng lực số của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học do Bộ GD&ĐT ban hành.

Kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị, cơ quan trong và ngoài ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, quy định của Chính phủ; tiếp tục đẩy mạnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục; rà soát, áp dụng các tiêu chí kỹ thuật của các nền tảng số dùng trong ngành giáo dục; xây dựng các bộ chỉ tiêu đánh giá chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục.

Áp dụng các chính sách thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo, các mô hình GD&ĐT mới dựa trên nền tảng và công nghệ số; chính sách huy động sự tham gia và đóng góp nguồn lực của các tổ chức, cá nhân và chuyên gia cho chuyển đổi số trong GD&ĐT; chính sách thúc đẩy phát triển công nghệ giáo dục (Edtech); chính sách máy tính giáo dục cho học sinh, sinh viên; chính sách Internet

giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GD&ĐT; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Bảo đảm tiết kiệm, minh bạch, đúng pháp luật, chống tiêu cực, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực huy động hợp pháp khác.

2. Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển được cân đối hằng năm chi cho các sở, ngành, địa phương theo quy định để thực hiện các chương trình, dự án nhằm triển khai Kế hoạch. Kinh phí vốn từ doanh nghiệp, tài trợ quốc tế và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Ưu tiên triển khai nhiệm vụ của Kế hoạch theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đối tác công tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

(Chi tiết nội dung, nguồn kinh phí tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan đầu mối chủ trì thực hiện Kế hoạch, có trách nhiệm phối hợp cùng với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

Chủ trì xây dựng Kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí hằng năm gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh quyết định. Thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định.

Tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo, phân công nhiệm vụ, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; xây dựng lộ trình, thời gian định kỳ kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh và Bộ GD&ĐT; tổng kết tình hình thực hiện vào năm kết thúc Kế hoạch.

Tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc cần đề nghị UBND tỉnh bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp với thực tiễn của tỉnh và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; phát hiện những ý tưởng, giải pháp đổi mới, sáng tạo để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số; chủ động phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan để tổ chức, triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm mục tiêu, thời gian, lộ trình đã xác định.

2. Sở Tài chính: Hằng năm, căn cứ tình hình thực tế của địa phương, các nội dung, nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao và khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở GD&ĐT và các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xem xét, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trong tỉnh gắn với các nội dung của Kế hoạch thực hiện Đề án 131 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

Bố trí kinh phí thuộc nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật để thực hiện các dự án ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Chia sẻ, kết nối, liên thông dữ liệu, số liệu về kinh tế, xã hội... với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ giáo dục của tỉnh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở GD&ĐT trong việc hỗ trợ các địa phương, cơ sở giáo dục ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục.

Chủ trì trong công tác truyền thông và chỉ đạo các doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn hỗ trợ, có chính sách ưu đãi đối với chuyển đổi số phục vụ cho hoạt động giáo dục; triển khai chữ ký số, chứng thực điện tử, các chuẩn trao đổi dữ liệu số.

Triển khai đồng bộ Kế hoạch này với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển công nghệ thông tin và chuyển đổi trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với Công an tỉnh, Sở GD&ĐT thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin phục vụ triển khai thực hiện Kế hoạch.

5. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở GD&ĐT, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin phục vụ triển khai Kế hoạch. Phối hợp với ngành Giáo dục trong việc bảo đảm an toàn, liên thông các nền tảng cơ sở dữ liệu của ngành với nền tảng dữ liệu do Bộ Công an quản lý.

6. Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố

Căn cứ nội dung Kế hoạch, phối hợp với Sở GD&ĐT thực hiện nhiệm vụ phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị, địa phương. Cụ thể hóa nội dung Kế hoạch trong các chương trình, đề án, kế hoạch để thực hiện trong phạm vi, quyền hạn được giao.

Có giải pháp tăng cường nguồn lực bảo đảm điều kiện chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục thuộc quyền quản lý.

Hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, tổ chức đánh giá sơ kết và tổng kết theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT, để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ GD&ĐT.

7. Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh: Phối hợp với ngành Giáo dục tiếp tục rà soát, nâng cấp các nền tảng thiết yếu phục vụ nhu cầu chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030. Tiếp tục thực hiện các cam kết trong các thỏa thuận hợp tác bằng những chính sách hỗ trợ phù hợp với điều

kiện thực tiễn của tỉnh, ưu tiên giới thiệu và thí điểm triển khai các giải pháp có thể mạnh trong chuyển đổi số.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án 131 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố chủ động triển khai thực hiện, đảm bảo đạt được các mục tiêu đặt ra. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở GD&ĐT) để chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, TKCT;
- + Lưu: VT, KGVX_{LTS}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2022-2025
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /3/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Tỷ đồng.

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
1	Xây dựng trường học số	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn hoá khung phân loại các cấp độ trường học số tỉnh Bắc Giang. - Triển khai CSDL ngành Giáo dục phục vụ công tác thống kê báo cáo đến 100% cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh (hơn 500 cơ sở giáo dục Tiểu học, THCS, THPT, GDTX). - Thí điểm triển khai trường học số tại 02 trường THCS & 10 trường THPT trong năm 2022 (30% số trường THPT) bao gồm các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> + Nâng cấp cơ sở hạ tầng số cho nhà trường. + Thuê dịch vụ, mua sắm và triển khai phần mềm ứng dụng. + Đào tạo giáo viên số, học sinh số, phụ huynh số. + Hỗ trợ xây dựng lộ trình triển khai trường học số cho các cơ sở giáo dục phổ thông còn lại. 	Triển khai 2022, thuê hỗ trợ vận hành từ 2023 trở đi	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố		8,0	2,0	2,0	2,0	14,0	

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
2	Xây dựng CSDL Bài giảng điện tử chuẩn hoá cấp tỉnh phục vụ 20% khối lượng chương trình THPT có thể thực hiện thông qua mạng Internet đáp ứng yêu cầu của Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT. Hệ thống đào tạo tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên Bắc Giang qua mạng Innternet.	Xây dựng CSDL Bài giảng điện tử chuẩn hoá cấp tỉnh phục vụ 20% khối lượng chương trình THPT có thể thực hiện thông qua mạng Internet đáp ứng yêu cầu của Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT. Hệ thống đào tạo tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên Bắc Giang qua mạng Innternet.	Triển khai 2022, thuê hỗ trợ vận hành từ 2023 trở đi	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố		4,0	1,0	1,0	1,0	7,0	
3	Xây dựng công cụ chuyển đổi số toàn diện công tác kiểm tra đánh giá ở bậc phổ thông	Năm 2022 triển khai đồng bộ khu vực THPT và 02 trường THCS, các năm tiếp theo triển khai nhân rộng xuống khu vực THCS & Tiểu học đáp ứng Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT, Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT.	Triển khai 2022, thuê hỗ trợ vận hành từ 2023 trở đi	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố		3,0	1,0	1,0	1,0	6,0	
TỔNG KINH PHÍ							15,0	4,0	4,0	4,0	27	